

QUYẾT ĐỊNH

Quy định một số nội dung thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 16 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh;

Căn cứ Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số hoạt động về lâm nghiệp thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 112/TTr-SNN ngày 25 tháng 5 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định về phê duyệt thiết kế, dự toán công trình lâm sinh, mức hỗ trợ cho từng hoạt động, trợ cấp gạo bảo vệ và phát triển rừng theo quy định tại Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn một số hoạt động về lâm nghiệp thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và

miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I từ năm 2021 đến năm 2025; cụ thể như sau:

1. Giao Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

a) Phê duyệt thiết kế, dự toán các công trình lâm sinh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I từ năm 2021 đến năm 2025 của địa phương sau khi được giao chỉ tiêu kế hoạch (*theo quy định tại Điều 19, Điều 20 và Điều 21 Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*), gồm:

- Hỗ trợ khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung.
- Hỗ trợ trồng rừng sản xuất bằng loài cây lấy gỗ, cây lâm sản ngoài gỗ.
- Hỗ trợ trồng rừng phòng hộ.

b) Xác định, lập danh sách đối tượng được trợ cấp gạo là hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số, hộ gia đình người kinh nghèo có tham gia các hoạt động bảo vệ rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh có trồng bổ sung, trồng rừng phòng hộ, trồng rừng sản xuất và phát triển lâm sản ngoài gỗ trên diện tích đất lâm nghiệp được giao trong thời gian chưa tự túc được lương thực (*theo quy định tại Khoản 1 Điều 22 Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT ngày 20/9/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*).

2. Về mức hỗ trợ đối với các hoạt động khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung, trồng rừng sản xuất bằng loài cây lấy gỗ, cây lâm sản ngoài gỗ, trồng rừng phòng hộ, cụ thể như sau:

a) Hỗ trợ khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung: 1.600.000 đồng/ha/năm trong 03 năm đầu và 600.000 đồng/ha/năm cho 03 năm tiếp theo (*theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 4 Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ*)

b) Hỗ trợ trồng rừng sản xuất bằng loài cây lấy gỗ, cây lâm sản ngoài gỗ: 10.000.000 đồng/ha để mua cây giống, phân bón và chi phí một phần nhân công bằng tiền đối với trồng cây lấy gỗ, cây lâm sản ngoài gỗ (*theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ*)

c) Hỗ trợ trồng rừng phòng hộ: Theo quy định tại khoản 1, Điều 6, Quyết định 38/2016/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành một số chính sách bảo vệ, phát triển rừng và đầu tư hỗ trợ kết cấu hạ tầng, giao nhiệm vụ công ích đối với các công ty nông, lâm nghiệp.

3. Về trợ cấp gạo bảo vệ và phát triển rừng quy định như sau:

a) Đối tượng được trợ cấp gạo: Theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Mức trợ cấp gạo: 15kg gạo/khâu/tháng hoặc bằng tiền tương ứng với giá trị 15kg gạo/khâu/tháng tại thời điểm trợ cấp (*theo giá công bố của địa phương*), trong thời gian chưa tụt được lương thực.

c) Tiêu chí được trợ cấp gạo: Theo quy định tại khoản 3 Điều 22 Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

d) Thời gian trợ cấp: Tối đa không quá 07 năm.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có trách nhiệm tổ chức thực hiện nội dung Quyết định này theo quy định.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố triển khai thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu Trung ương có quy định mới, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh cho phù hợp.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động - Thương binh và Xã hội; Trưởng ban Ban Dân tộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chi cục Kiểm lâm;
- VP UBND tỉnh: CVP (đ/b);
- Lưu: VT, NNTN, NTT.

CHỦ TỊCH

Lê Ngọc Tuấn